

Bản án số: 19/2019/LĐ-ST
Ngày: 19-11-2019
V/v tranh chấp về đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.
2. Ông Trần Phú Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2014/TLST-LĐ ngày 07 tháng 7 năm 2014 về việc “Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2019/QĐST-LĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2019/QĐST-LĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: 144/59 Hồng Lạc, Phường 11, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Công ty cổ phần CCN

Trụ sở: Lầu 4 Tòa nhà Mirae số 268 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Như bảo Châu (vắng mặt).

Chức vụ: Giám đốc công ty.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày: Ngày 24/11/2008 đến ngày 23/01/2009 bà H thử việc tại Công ty cổ phần CCN (sau đây gọi tắt là **công ty CCN**). Đến ngày 24/01/2009, **công ty CCN** và bà H ký với nhau Hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Theo đó, bà H là kỹ sư phần mềm, mức lương là 12.211.000 đồng/tháng. Quá trình làm việc bà H luôn chấp hành đúng các quy định cũng như hợp đồng lao động. Ngày

28/5/2014, **bà H** nhận được thư điện tử của **công ty CCN** thông báo nghỉ việc và ngày 02/6/2014 công ty ra quyết định thôi việc nhưng không nói rõ lý do. **Bà H** nhiều lần đến công ty tìm hiểu và đi làm nhưng công ty khóa cửa và không ai giải quyết quyền lợi cho bà. Ngày 23/6/2014 **bà H** được Phòng Lao động thương binh xã hội Quận 10 mời lên giải quyết tranh chấp lao động giữa bà với **công ty CCN** nhưng không thành. **Bà H** nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu buộc **công ty CCN** nhận bà trở lại làm việc, thanh toán tiền lương còn thiếu và chốt sổ bảo hiểm xã hội. Tại phiên tòa hôm nay **bà H** chỉ yêu cầu công ty trả lương tháng 5/2014, lương tháng 6/2014 tính từ ngày 01/6/2014 đến ngày 24/6/2014, lương 45 ngày báo trước và rút lại toàn bộ yêu cầu khác.

Bị đơn bà Đặng Như Bảo Châu là đại diện theo pháp luật của **công ty CCN** tại các bản tự khai và biên bản hòa giải tại Tòa xác định: **Công ty CCN** có ký hợp đồng lao động đúng như **bà H** khai nhận. Bà Châu cho rằng hiện nay công ty đang hoạt động khó khăn và đã thông báo tình hình đến các nhân viên cũng như tổ chức các cuộc họp để giải quyết cho người lao động nhưng **bà H** không đồng ý. Tại buổi làm việc ở Tòa công ty đồng ý trả lương còn thiếu cho **bà H** nhưng không đồng ý bồi thường 02 tháng tiền lương. Do đó, các bên không hòa giải được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm hiện nay, thấy rằng Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án chậm đưa vụ án ra xét xử nên đã vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật, có nộp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như được tham gia tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Tại phiên tòa hôm nay do bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án Căn cứ vào nội dung và hình thức của hợp đồng lao động số 0000055/2009 ký ngày 24/01/2009 giữa người sử dụng lao động là Công ty cổ phần CCN với bên người lao động là bà Võ Thị H nhận thấy nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên theo **bà H** trình bày thì ngày 29/5/2014 bà được công ty thông báo tình hình của công ty đồng thời đề nghị người lao động tại Công ty tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động, **bà H** không đồng ý ký vào đơn tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động với công ty do phía công ty không giải quyết chế độ cho bà khi thôi việc, sau đó **bà H** vẫn tiếp tục đến công ty làm việc, đến ngày 25/6/2014 phía công ty đã khóa cửa không cho bà đến làm việc và yêu cầu bà bàn giao giấy tờ, tài sản cho công

ty. Nay **bà H** về việc yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần CCN phải thanh toán trả tiền lương tháng 5/2014 là 5 là 20,766,000 đồng, lương tháng 6 tính từ ngày 01/6 đến ngày 24/6/2014 (những ngày **bà H** vẫn đến công ty làm việc) là 16,810,000 đồng; lương 45 ngày báo trước (từ 25/6/2014 đến 8/8/2014) là 31,149,000 đồng. Căn cứ vào hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng lao động thì mức lương hàng tháng công ty phải trả cho **bà H** là 20,766,000 đồng/tháng có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu Công ty cổ phần CCN phải thanh toán tiền lương cho 45 ngày không báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày 25/6/2014 **bà H** biết được công ty sẽ ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, đến ngày 27/6/2014 phía công ty đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với **bà H** (theo trình bày của bị đơn), như vậy thời hạn mà người lao động biết được việc công ty chấm dứt hợp đồng lao động mới chỉ có 3 ngày. Theo đó căn cứ Khoản 5 Điều 42 BLLĐ thì: *“Trường hợp vi phạm quy định về thời hạn báo trước thì phải bồi thường cho người lao động một khoản tiền tương ứng với tiền lương của người lao động trong những ngày không báo trước”*, như vậy công ty đã vi phạm về thời hạn báo trước là 42 ngày, theo hợp đồng lao động đã ký do đó việc **bà H** yêu cầu công ty phải thanh toán tiền vi phạm thời hạn báo trước do việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là có cơ sở chấp nhận.

Đối với các yêu cầu khác như yêu cầu công ty nhận trở lại làm việc, yêu cầu đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chốt sổ bảo hiểm xã hội và các yêu cầu bồi thường khác, do phía **bà H** đã rút lại và không yêu cầu tòa án giải quyết nên, đề nghị HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các yêu cầu đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 24/11/2008, **bà H** làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn tại **công ty CCN**. Ngày 02/6/2014 **công ty CCN** thông báo cho **bà H** nghỉ việc và không giải quyết các chế độ lao động theo quy định cho **bà H**. Do đó, **bà H** yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản tiền lương còn thiếu do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn **công ty CCN** có trụ sở tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu giải quyết vụ án: Ngày 02/6/2014 bị đơn **công ty CCN** thông báo cho **bà H** nghỉ việc. Ngày 07/7/2014, **bà H** có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân

Quận 10 nên căn cứ tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động thì vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Xét bị đơn **công ty CCN** có bà Đặng Như Bảo Châu đại diện theo pháp luật dù đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Căn cứ Hợp đồng lao động không xác định thời hạn ký giữa bà Võ Thị H và **Công ty CCN** có cơ sở xác định **bà H** làm việc tại **công ty CCN** từ ngày 24/11/2008. Quá trình làm việc, **bà H** không vi phạm bất cứ hình thức kỷ luật lao động nào. Ngày 02/6/2014, bị đơn **công ty CCN** có thông báo nghỉ việc cho tất cả các nhân viên công ty trong đó có **bà H**. Bị đơn cũng thừa nhận là có thông báo và ra Quyết định thôi việc nhưng lại không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Như vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 38 Bộ luật lao động bị đơn **công ty CCN** đã vi phạm về trường hợp được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động cũng như vi phạm thời hạn báo trước đối với người lao động. Trong trường hợp này, **bà H** vẫn đang làm việc và hoàn thành công việc theo đúng nội dung thỏa thuận trong hợp đồng lao động không xác định thời hạn và bị đơn **công ty CCN** không thực hiện nghĩa vụ báo trước ít nhất 45 ngày theo quy định Bộ luật Lao động khi cho **bà H** nghỉ việc. Mặc khác, theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Bộ luật lao động quy định người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động “ c) Do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật, mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc; d) Người lao động không có mặt tại nơi làm việc sau thời hạn quy định tại Điều 33 của Bộ luật này”. Tại bản tự khai bị đơn chp rằng công ty phải ngưng hoạt động vì công ty mẹ không hỗ trợ vốn là không có cơ sở xem xét. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của **bà H** về việc **công ty CCN** đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

[4.2] Về yêu cầu trả tiền lương còn thiếu tháng 5/2014 và ngày 01/6/2014 đến ngày 24/6/2014 của **bà H**, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn xác định khi thông báo cho nghỉ việc thì vẫn chưa thanh toán tiền lương cho **bà H**. Căn cứ vào hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng lao động ngày 01/4/2013 của **bà H** có cơ sở xác định tại thời điểm nghỉ việc thì mức lương thực lãnh của **bà H** mỗi tháng là 20.766.000 đồng chưa bao gồm phụ cấp và tiền thưởng khác. Do đó, tiền lương một ngày công làm việc của **bà H** là 692.200 đồng/ngày. Tại biên bản hòa giải bị đơn cũng đồng ý thanh toán cho **bà H** tiền lương đến hết ngày 12/4/2014 trong đó bao gồm cả 45 ngày không báo trước. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[4.3] Do **công ty CCN** hiện đang ngừng hoạt động kinh doanh và **bà H** cũng không yêu cầu **công ty CCN** nhận trở lại làm việc cũng như rút yêu cầu chôt và trả số bảo hiểm cũng như bồi thương 02 tháng tiền lương nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: **Công ty CCN** phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 38, Điều 42, Điều 202 của Bộ luật Lao động 2010;
- Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án 2009.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn :

Buộc Công ty cổ phần CCN trả cho bà Võ Thị H số tiền tổng cộng là 68.527.000 (sáu mươi tám triệu năm trăm hai mươi bảy ngàn) đồng gồm:

+ Tiền lương còn thiếu tháng 5/2014 là 20.766.000 (hai mươi triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng.

+ Tiền lương tháng 6/2014 tính từ ngày 01/6/2014 đến ngày 24/6/2014 là 16.612.000 (mười sáu triệu sáu trăm mười hai ngàn) đồng.

+ Tiền lương 45 ngày vi phạm thời hạn báo trước là 31.149.000 (ba mươi một triệu một trăm bốn mươi chín ngàn) đồng.

Đinh chỉ đối với yêu cầu của bà Võ Thị H yêu cầu Công ty cổ phần CCN nhận trở lại làm việc, chốt và trả sổ Bảo hiểm xã hội .

Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm về lao động: 2.055.810 (hai triệu không trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm mười) đồng Công ty cổ phần CCN chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Nhàn